

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10-8-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thành.
2. Ông Đặng Văn Trị.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968 (Vắng mặt, có đơn).
Địa chỉ: Số X LTT, phường S, Quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị đơn:** Bà Võ Thị N, sinh năm 1967 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Tổ M, Khối H, thị trấn P, huyện T1, Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông và bà Võ Thị N tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau được gia đình hai bên chấp nhận tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không nhớ rõ ngày, tháng, năm và chung sống với nhau như vợ chồng trước năm 1987, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng tính tình không hợp bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã xích mích nhau. Vợ chồng cắt đứt quan hệ phần ai nấy sống, bỏ mặc không quan tâm chăm sóc lẫn nhau từ đó đến nay. Nay xét thấy không còn tình cảm gì nên ông yêu cầu ly hôn bà Võ Thị N.

- Về con chung: Ông và bà Võ Thị N có 02 con chung là Nguyễn Ngọc S (giới tính nam), sinh năm 1990; Nguyễn Thị Kiều N1, sinh năm 1991. Khi ly hôn, 02 con chung đã thành niên có việc làm tự tạo thu nhập nuôi sống bản thân không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết

Tại phiên Tòa hôm nay, bị đơn bà Võ Thị N vắng mặt không có lý do: bà Võ Thị N đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, Quyết định xét xử nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai và yêu cầu đối với vụ án.

Biên bản xác minh ngày 10/3/2022 Công an thị trấn P cung cấp: bà Võ Thị N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ M, Khối H, thị trấn P, huyện T1, Bình Định; hiện nay bà N vẫn còn hộ khẩu và có mặt tại địa phương theo địa chỉ trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm (tuy nhiên có vi phạm thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát). Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTT Dân sự 2015. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 72, 73 BLTT Dân sự 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 8,9 và 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn bà Võ Thị N. Về con chung: 02 con chung là Nguyễn Ngọc S (giới tính nam), sinh năm 1989; Nguyễn Thị Kiều N1, sinh năm 1991. Khi ly hôn, 02 con chung đã thành niên có việc làm tự tạo thu nhập nuôi sống bản thân không yêu cầu Tòa giải quyết - nên miễn xét; Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét. Án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là bà Võ Thị N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị N tự nguyện tìm hiểu và được sự đồng ý của gia đình hai bên đã tiến hành tổ chức lễ cưới

theo phong tục vào trước năm 1987 và chung sống cho đến năm 2010; đến trước thời điểm ngày 03/01/1987 thì ông T và bà N đều có đủ điều kiện để kết hôn, nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000).

Tuy nhiên, từ sau khi cưới ông T, bà N đã chung sống với nhau như vợ chồng trong một thời gian dài, có 02 con chung, đã thực sự chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình - là đáp ứng đầy đủ các điều kiện về hôn nhân thực tế được quy định tại điểm d mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội “về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000”. Do đó, việc ông T và bà N tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ trước năm 1987 đến nay không có đăng ký kết hôn nhưng vẫn được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên bất hòa, xúc phạm nhau và đã sống ly thân từ đó. Vợ chồng đã cắt đứt quan hệ đã lâu năm, phần ai nấy sống, bỏ mặc, không quan tâm gì đến nhau. Bà N có mặt tại địa phương mặc dù đã được triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa là thể hiện không xem trọng cuộc hôn nhân này. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc ông T yêu cầu ly hôn với bà N là có căn cứ và phù hợp với các quy định tại: điểm a, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị N có 02 con chung là Nguyễn Ngọc S (giới tính nam), sinh năm 1990; Nguyễn Thị Kiều N1, sinh năm 1991. Khi ly hôn, 02 con chung đã thành niên có việc làm tự tạo thu nhập nuôi sống bản thân, không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

[4] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: cần buộc ông Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0007162 ngày 03/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ Tư pháp;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn bà Võ Thị N.

- Về con chung: 02 con chung của ông T và bà N là Nguyễn Ngọc S (giới tính nam), sinh năm 1990; Nguyễn Thị Kiều N, sinh năm 1991 đã thành niên có việc làm tự tạo thu nhập nuôi sống bản thân, không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

2/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: ông Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0007162 ngày 03/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; ông T đã nộp đủ án phí.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

4/ Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;

TÒA

- VKSND huyện Tây Sơn;

- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;

- UBND thị trấn P;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

Nguyễn Thị Giang Nam